

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phú Thanh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 446/2024/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hoà 1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 09/12/2024.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hoà 1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/7/2012. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 8 năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 2 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2019. Cháu H1 và cháu Đ hiện

do tôi nuôi dưỡng, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; án phí dân sự sơ thẩm chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T cư trú tại ấp Hoà I, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Q và anh T tự nguyện chung sống

với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/7/2012 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 8 năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị Q xác định chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Hiền, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2019, cháu Hiền và cháu Đ hiện do chị Q nuôi dưỡng, chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Hiền và cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/10/2024 cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 xác định đang sống chung với chị Q và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Q; còn cháu Đ hiện nay đang còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu H1 và cháu Đ thì cần tiếp tục giao cháu H1 và cháu Đ cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q xác định chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 09/4/2011 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi

dưỡng; chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Q phải chịu, chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010653 ngày 07/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni